

Bản án số: 83/2019/DS-PT

Ngày: 28 – 6 – 2019

V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 117/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Quang S, sinh năm 1963; cư trú tại: Số nhà 89, ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1928; cư trú tại: Số nhà 154, ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1948; cư trú tại: Ấp L, xã U, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Hồng H, sinh năm 1984 (Có mặt).

2. Bà Bùi Thị Lệ N, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị Lệ N là: Ông Phạm Hồng H, cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2016). Ông H có mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn V, cư trú tại: Ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo pháp luật của UBND huyện M (Chủ tịch UBND huyện). Ông V vắng mặt.

4. Ngân hàng N và P.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Nguyễn Hải U, cư trú tại: Ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2017). Ông U có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Cao Quang S là nguyên đơn.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Cao Quang S trình bày:

Vào năm 1986, ông S được Nhà nước cấp diện tích đất hoang và có công khai hoang thành đất ruộng làm lúa mùa, nên vào ngày 01/8/1992, ông được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số B 227720, đối với diện tích 11.461m², tờ bản đồ số 03, thửa số 526, tọa lạc ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đến năm 1997, ông Phạm Văn T cho là đất cũ của ông T nên đã ngang nhiên vào bao chiếm, nên phát sinh tranh chấp. Lúc này diện tích đất chỉ còn khoảng 6.000m² cả ruộng và bờ kinh, vì xáng Nhà nước mức kinh TL nên bị hao hụt diện tích.

Trong thời gian tranh chấp chờ giải quyết thì ông T bán hết đất cho ông Phạm Văn B và ông B tự ý đào liếp cất nhà, trồng cây trên đất.

Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn B phải trả phần đất lúa diện tích 6.000m² tại tờ bản đồ số 03, thửa 526 nêu trên.

- Trong Đơn yêu cầu phản tố ngày 15/7/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Đất tranh chấp là đất gốc của ông, cha của ông T để lại. Ông T trực tiếp canh tác liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay. Trước đây trong giai đoạn chia tách xã LH cũ thành xã L và xã H vào khoảng năm 1983, gia đình ông thuộc xã LH cũ, nên chính quyền xã mới H đưa ông vào diện xâm canh, buộc cất xâm canh, nhưng vì gia đình ông có nhiều anh em, con lại đông và ở xã LH không có đất, phần đất ở xã H là đất gốc duy nhất cho nên gia đình ông không đồng ý giao đất và tiếp tục trực tiếp quản lý canh tác.

Khi Nhà nước đào kênh TL, cắt ngang phần đất của ông nên toàn bộ phần đất này chỉ còn lại khoảng 15 công, phần thứ nhất khoảng 05 công đất ruộng và khoảng 04 công đất bờ xáng; phần thứ hai khoảng 03 công đất ruộng và khoảng 03 công đất bờ xáng. Sau khi Nhà nước đào kênh thì ông vẫn còn tiếp tục sử dụng toàn bộ 02 phần đất này. Đến năm 1996 – 1997, ông cho em ruột là Phạm Văn B phần đất thứ hai gồm 03 công đất ruộng và 03 công đất bờ xáng là phần đất hiện nay ông S tranh chấp. Lúc cho, không có làm giấy tờ và đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Ông B sử dụng liên tục từ đó cho đến khi ông S tranh chấp, thì ông T mới biết ông S đã đăng ký và được cấp GCNQSDĐ. Từ trước đến nay ông không có chuyển nhượng cho ông B phần đất nào.

Việc ông T trực tiếp canh tác liên tục từ trước năm 1975, có chính quyền địa phương và bà con nông dân ở tại khu vực đất canh tác cùng thời điểm ai cũng biết.

Do vậy, việc ông S được cấp GCNQSDĐ là không hợp pháp, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S, đồng thời ông T phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông Cao Quang S tại thửa đất số 526 này.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Văn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì:

Trước năm 1975 cha ông B là ông Phạm Văn C có cho anh ruột của ông là ông Phạm Văn T sử dụng một phần đất ruộng diện tích bao nhiêu thì ông không biết, sau đó Nhà nước đào kênh TL cắt ngang đất của ông T chia làm hai phần. Sau đó ông T cho ông một phần khoảng 03 công đất ruộng và khoảng 03 công đất bờ xáng, nhưng ông không nhớ cho vào thời gian nào, phần đất này hiện nay đang tranh chấp với ông S. Lúc cho, không có làm giấy tờ, đến nay vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ, vì ông nghĩ đây là đất của ông nên ông sử dụng, đến khi phát sinh tranh chấp với ông S thì ông mới biết ông S đã đăng ký và được cấp GCNQSDĐ.

Sau khi ông T cho ông phần đất này thì ông sử dụng liên tục. Đến năm 2004, con ông là Phạm Hồng H lập gia đình riêng nên ông cho vợ chồng H và N một phần đất ở bờ xáng diện tích khoảng 1,5 công tầm 03m, lúc cho không có làm giấy tờ. Hiện nay vợ chồng H, N đang trực tiếp sử dụng. Phần đất còn lại thì ông sử dụng làm ruộng, còn phần đất bờ xáng ông trồng cây ăn trái. Từ trước đến nay ông T không có chuyển nhượng đất cho ông.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Hồng H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H cho rằng:

Ông là cháu ruột của ông Phạm Văn T và là con ruột của ông Phạm Văn B. Vào năm 2004, ông lập gia đình riêng nên ông B cho ông phần đất diện tích khoảng 1,5 công tầm 03m, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có nguồn gốc là của ông nội ông tên là Phạm Văn C; lúc cho không làm giấy tờ.

Liên sau đó, vợ chồng ông cất nhà tạm để ở, nhà cột cây, vách lá, lợp lá, nền xi măng, căn nhà có chiều ngang 08m, chiều dài 15m, diện tích 120m². Đến năm 2013 thì vợ chồng ông xây dựng căn nhà mới, kết cấu cột bê tông, vách tường, lợp tôn, nền gạch men. Ngoài ra, còn trồng cây cam, trà, mít, dừa, chuối, cau. Phần đất này hiện

nay chỉ có ông với vợ là bà Bùi Thị Lệ N sử dụng. Sau khi phát sinh tranh chấp với ông S thì ông mới biết ông S đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Nếu Tòa án giải quyết buộc ông trả lại đất cho ông S, thì ông yêu cầu ông phải trả cho vợ chồng ông giá trị căn nhà và các cây trồng trên đất.

- Theo văn bản số: 605/UBND-HC ngày 07/9/2018, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng có ý kiến như sau: Ủy ban nhân dân huyện M không có ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của ông Cao Quang S. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xem xét đưa vụ việc ra giải quyết theo đúng quy định.

- Trong Đơn yêu cầu độc lập ngày 03/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng N và P - chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ông Cao Quang S hiện nay còn nợ tiền vay của Ngân hàng, cụ thể như sau: Vay ngày 11/02/2004 theo Hợp đồng tín dụng số: 119/HĐTD, vốn gốc 12.000.000 đồng; lãi suất 1,15%/tháng; lãi quá hạn 1,725%/tháng; thời hạn vay 24 tháng. Đã trả nợ gốc, nhưng còn nợ lãi từ ngày 11/02/2004 đến ngày 30/7/2010 là 14.614.200 đồng. Vay ngày 22/12/2015, theo Hợp đồng tín dụng số: 898, vốn gốc 50.000.000 đồng; lãi suất 6,9%/năm; lãi quá hạn 8,28%/năm; thời hạn vay 12 tháng. Nay còn nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi từ ngày 22/12/2015 đến ngày 02/5/2018 là 9.221.083 đồng.

Ông S đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 13.505m², thửa số 481, 526, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, GCNQSDĐ số B 245541 cấp ngày 01/8/1992.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả cho Ngân hàng tổng số nợ là 76.270.283 đồng, trong đó gồm: Nợ vay ngày 11/02/2004: 14.614.200 đồng. Nợ vay ngày 22/12/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2018: Vốn 50.000.000 đồng và lãi 11.656.083 đồng. Đồng thời, phải trả lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Khi nào ông S trả hết nợ, thì Ngân hàng sẽ trả lại GCNQSDĐ đã thế chấp.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 và 12 Luật Đất đai năm 1987; khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2013; Điều 2 Luật Người cao tuổi; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Quang S về việc buộc bị đơn ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn B trả phần đất lúa diện tích 5999,97m² thuộc thửa 526, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 227720 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Cao Quang S vào ngày 01 tháng 8 năm 1992, có số đo và tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 527 và một phần của thửa số 526, có số đo 55,42m + 118,87m + 7,28m + 41,71m + 35,25m. Hướng tây giáp thửa số 635 và phần đất còn lại của thửa 526, có số đo 49,66m + 115,86m + 82,71m. Hướng nam giáp

phần đất còn lại của thửa số 526, có số đo 25,03m. Hướng bắc giáp phần đất còn lại của thửa số 526, có số đo 10,40m (Có sơ đồ đất kèm theo).

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 227720 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Cao Quang S vào ngày 01 tháng 8 năm 1992, đối với phần đất diện tích 5999,97m² thửa đất số 526, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo và tứ cận như đã nêu trên.

3. Buộc ông Cao Quang S thanh toán nợ cho Ngân hàng N và P với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28 tháng 11 năm 2018 là 76.270.283 đồng (Bảy mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), trong đó gồm:

- Nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 119/HĐTD ngày 11/02/2004: Tiền lãi là 14.614.200 đồng (Mười bốn triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, hai trăm đồng).

- Nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 898 ngày 22/12/2015: Nợ vốn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 11.656.083 đồng (Mười một triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Ông Cao Quang S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam các khoản tiền lãi (Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 898 ngày 22/12/2015) của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong.

Ngân hàng N và P - Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 227720 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Cao Quang S vào ngày 01 tháng 8 năm 1992 để Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đối với diện tích 5999,97m² thửa đất số 526, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo và tứ cận như đã nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2018, nguyên đơn ông Cao Quang S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và bác yêu cầu của bị đơn ông Phạm Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Cao Quang S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Cao

Quang S và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ N vắng mặt, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; Chủ tịch UBND huyện M vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông Cao Quang S là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Cao Quang S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và bác yêu cầu của bị đơn ông Phạm Văn T. Xét thấy, theo nguyên đơn ông Cao Quang S cho rằng vào năm 1986 ông được Nhà nước cấp diện tích đất hoang và có công khai hoang thành đất ruộng làm lúa mùa, nên vào năm 1992 ông được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích 11.461m², thuộc thửa 526, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là ông đã được Nhà nước cấp diện tích đất nêu trên. Mặc dù, được những người làm chứng ông Nguyễn Thanh Â, ông Nguyễn Thành O, ông Lê Văn Ê xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha ông Phạm Văn T, vào thời điểm năm 1986 Nhà nước có chủ trương cất xam canh nên cấp đất cho ông S, ngoài lời trình bày ra thì các ông cũng không có chứng cứ nào để chứng minh; còn theo bà Nguyễn Thị X, ông Đoàn Văn Z, ông Trần Văn G xác định khoảng năm 1974 - 1975 thì thấy gia đình ông T, ông B sử dụng phần đất tranh chấp cho đến nay. Mặt khác, tại Công văn số 43/CV.TN-MT, ngày 13/6/2016 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Tú xác định nguồn gốc đất là của cha ông T, cất xam canh cho ông S tên Cao Văn Y, vào thời điểm năm 1992 cấp giấy chứng nhận QSDĐ đại trà, ông S đăng ký và được UBND huyện Mỹ Tú cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông S chưa đảm bảo tính pháp lý, không có văn bản giao đất của cấp có thẩm quyền, không có văn bản của ông Cao Văn Y cho ông S, không có thẩm định, đo đạc xác định tứ cạnh; đến năm 1993 Nhà nước có chủ trương giải quyết việc cất xam canh (Trả lại đất gốc), ông T vào lấy lại đất. Tuy chủ trương trả lại đất gốc là chưa phù hợp, nhưng các bên đã thực hiện xong vào thời điểm năm 1993 nay yêu cầu giải quyết lại sẽ không được xem xét. Mặt khác, ông S không chứng minh được là ông có trực tiếp canh tác trên phần đất tranh chấp, phần đất tranh chấp do ông T rồi đến ông B, ông H và bà N trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục, lâu dài đã trồng cây và cất nhà ở ổn định. Do đó, có đủ cơ sở xác định việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông S là không đúng quy định của pháp luật về đất đai, nên ông S căn cứ vào giấy chứng nhận QSDĐ được cấp để đòi lại đất là không có căn cứ chấp nhận. Qua đó, thấy rằng việc ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần đất tranh chấp do ông

S đứng tên thuộc thửa 526, tờ bản đồ số 03 do UBND huyện Mỹ Tú cấp là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, kháng cáo của ông S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và bác yêu cầu của bị đơn ông Phạm Văn T là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông Cao Quang S không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Cao Quang S.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Án tuyên như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Quang S về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn B trả phần đất lúa diện tích 5.999,97m² thuộc thửa số 526, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 227720 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Cao Quang S vào ngày 01 tháng 8 năm 1992, có số đo và tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 527 và một phần của thửa số 526, có số đo 55,42m + 118,87m + 7,28m + 41,71m + 35,25m. Hướng tây giáp thửa số 635 và phần đất còn lại của thửa 526, có số đo 49,66m + 115,86m + 82,71m. Hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa số 526, có số đo 25,03m. Hướng bắc giáp phần đất còn lại của thửa số 526, có số đo 10,40m (Có sơ đồ đất kèm theo).

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 227720 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Cao Quang S vào ngày 01 tháng 8 năm 1992, đối với phần đất diện tích 5.999,97m² thửa đất số 526, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có số đo và tứ cận như đã nêu trên.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Quang S phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003534 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, xem như ông S nộp xong tiền án phí.

4. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm (*Tại số 3, 4 và 5 trong phần tuyên xử*) không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn